

Bản án số: 491/2024/HS-PT
Ngày: 27 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Văn Thường
Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân
ông Trần Đức Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Ra - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 449/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo **Hồ Văn K** cùng các bị cáo khác về các tội “Nhận hối lộ; Đưa hối lộ; Tham ô tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Hồ Văn K**, sinh ngày 10/11/1973 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: **số D đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: nguyên là Chủ tịch UBND quận C; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Hồ Văn T** (chết) và bà **Lê Thị N**; có vợ (**Nguyễn Thị T1**) và 02 con (sinh năm 2009, 2012); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2023; có mặt.

2. **Võ Thiên S**, sinh ngày 15/5/1978 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: **số A H, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: nguyên là Phó Chủ tịch UBND quận C; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Võ T2** (chết) và bà **Nguyễn Thị H**; có vợ (**Nguyễn Thị Ánh N1**) và 02 con (sinh năm 2006, 2008); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2022; có mặt.

3. **Võ Thành Q**, sinh ngày 21/10/1986 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: **số A đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: nguyên là Trưởng phòng

Phòng Quản lý đô thị **quận C**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Võ Văn H1** và bà **Nguyễn Thị L**; có vợ (**Trần Thị L1**) và 02 con (sinh năm 2018, 2020); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022; có mặt.

4. **Trần Phước M**, sinh ngày 25/01/1974 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: **số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: nguyên là Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị **quận C**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Trần Phước N2** và bà **Đinh Thị T3**; có vợ (**Nguyễn Thị Thanh N3**) và 02 con (sinh năm 2001, 2006); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2023; có mặt.

5. **Phan Văn T4**, sinh ngày 20/6/1988 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: **tổ B, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: nguyên là Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị **quận C**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Phan Văn T5** và bà **Lê Thị M1**; có vợ (**Phạm Thị Ánh L2**) và 02 con (sinh năm 2017, 2019); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. **Nguyễn Đăng Nhất D**, sinh ngày 11/5/1981 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: **số A đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH T12; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn T6** (c) và bà **Đăng Thị D1**; có vợ (**Tạ Thị Bích H2**) và 02 con (sinh năm 2011, 2013); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn K:** Ông **Trần Văn R**, Luật sư của Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Võ Thiên S:** ông **Thái Quốc V**, Luật sư của Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: **số B đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Võ Thành Q:** bà **Nguyễn Thị Thu H3**, Luật sư của Văn phòng L7, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: **số F đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Phước M:**

Ông **Nguyễn T7**, Luật sư của Văn phòng L8, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: **số C đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

Ông **Trịnh Anh H4**, Luật sư của Công ty L9, Chi nhánh Đ1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: **số G đường B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đăng Nhất D:**

1/ Ông **Trần Văn Đ**, Luật sư của Công ty L10, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: **số A đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T4:** Ông **Trịnh Anh H4**, Luật sư của **Công ty L9, Chi nhánh Đ1**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **số G đường B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi nhận hối lộ và đưa hối lộ:

1.1. Đối với gói thầu “Duy tu, nạo vét bùn các tuyến mương, cống thoát nước đường dưới 10,5m (đường có tên) trên địa bàn quận C năm 2021.

Theo Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của **UBND thành phố Đ, UBND quận C** được phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện gói thầu “Duy tu, nạo vét bùn các tuyến mương, cống thoát nước đường dưới 10,5m (đường có tên) trên địa bàn quận năm 2021” với giá gói thầu là 8.490.000.000 đồng (sau đây gọi tắt là gói thầu thoát nước). Đây là gói thầu dịch vụ phi tư vấn, cung cấp dịch vụ công ích, được thực hiện theo phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ và lần đầu tiên thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng. Phòng Quản lý đô thị (QLĐT) **quận C** được giao nhiệm vụ làm bên mời thầu, thực hiện các công tác đấu thầu. Sau khi có phê duyệt dự toán, **Hồ Văn K** (Chủ tịch UBND quận) chỉ đạo **Võ Thiên S** (Phó Chủ tịch UBND quận) và **Lê Hoài N4** (Trưởng phòng QLĐT) nghiên cứu, tìm nguồn thu cho các hoạt động riêng của UBND quận.

Công ty TNHH T12 (sau đây gọi tắt là **Công ty T12**); MSDN: 0401790041; địa chỉ: **số A Phong B, phường H, quận C**; Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật là: **Tạ Thị Bích H2. Nguyễn Đặng Nhất D** là Phó Giám đốc **Công ty T12** (chồng của **Tạ Thị Bích H2**) biết thông tin sẽ tổ chức đấu thầu gói thầu thoát nước. Do đã có mối quan hệ quen biết trước đó nên **D** tìm gặp **Lê Hoài N4**, trao đổi đề nhờ giúp đỡ khi dự thầu và **N4** đồng ý. Sau đó, **N4** đã chỉ đạo **Trần Phước M** (Phó Trưởng phòng, Phụ trách gói thầu thoát nước) và **Phan Văn T4** (Chuyên viên) hỗ trợ cung cấp các thông tin liên quan đến gói thầu thoát nước cho **D** để có lợi thế khi dự thầu.

Tuy nhiên, từ tháng 02/2021, **N4** bị bệnh phải nằm bệnh viện điều trị nên công việc của Phòng QLĐT được giao lại cho **Võ Thành Q** (Phó Trưởng phòng) tạm thời phụ trách, nhưng **N4** vẫn tham gia chỉ đạo công việc. **Hồ Văn K** đã gọi **Q** đến phòng làm việc, giao cho **Q** việc theo dõi, báo cáo các vấn đề liên quan đến gói thầu thoát nước cho **Võ Thiên S** biết vì **S** được phân công phụ trách theo dõi hoạt động của Phòng QLĐT. Trong thời gian này, một số doanh nghiệp liên hệ Khoa và **S** xin hỗ trợ khi dự thầu. **K** và **S** đã chỉ đạo **Q** nghiên cứu làm việc trước với các doanh nghiệp này.

Ngày 17/3/2021, Phòng QLĐT tham mưu UBND quận thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu là **Công ty Cổ phần Q1** (sau đây gọi tắt là **Công ty Q1**) – MSDN: 0401658692; địa chỉ: **số A đường L, phường H, quận C**; người đại diện pháp luật là bà **Hoàng Thị B. Công ty Q1** đã thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu

gồm 03 người, trong đó Nguyễn Đức H5 (sinh năm: 1985; trú số A B, phường H, quận C) là Tổ trưởng.

Để đảm bảo năng lực dự thầu, D tìm và liên hệ với bà Nguyễn Thị L3 – Giám đốc Công ty Cổ phần H9 (sau đây gọi tắt là Công ty H9) – MSDN: 0401620794; địa chỉ: số H M, phường T, quận H, nhờ bà L3 giúp thành lập Liên danh Công ty Cổ phần H9 với Công ty TNHH T12 (sau đây gọi tắt là Liên danh), thỏa thuận sẽ trích lại 15% tiền doanh thu sau thuế cho Công ty H9 sau khi trúng thầu, mọi thủ tục liên quan Công ty T12 sẽ thực hiện, Công ty H9 có trách nhiệm nộp 10% thuế VAT. Sau khi L3 đồng ý, D giao cho Nguyễn Phan Hoài V1 (sinh năm: 1997; trú số D đường N, phường A, quận T) là nhân viên Công ty T12 phối hợp với Trịnh Tấn L4 (sinh năm: 1983; trú số K đường Ô, phường T, quận H) là nhân viên Công ty H9 để lập và nộp hồ sơ dự thầu của Liên danh.

Ngày 23/3/2021, sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và qua tìm hiểu, Q thấy rằng sẽ khó xác định trước được doanh nghiệp nào trúng thầu để làm việc trước việc trích lại phần trăm, vì đây là đấu thầu qua mạng. Do đó, Q báo cáo cho S biết, nói S để sau khi đấu thầu xong thì mới làm việc, S đồng ý.

Ngày 09/4/2021, Phòng QLĐT phát hành E-HSMT gói thầu nêu trên lên mạng đấu thầu quốc gia. Ngày 19/4/2021, hết thời gian nộp hồ sơ dự thầu, hệ thống mạng tiến hành mở thầu và cho kết quả có 03 (ba) doanh nghiệp dự thầu gồm:

- Công ty TNHH C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1) MSDN: 6400153467; địa chỉ: số B đường Đ, tổ C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật là: Lê Minh H6. Giá dự thầu là 4.541.451.735 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

- Công ty Cổ phần T13 (sau đây gọi tắt là Công ty T13) – MSDN: 0401714851; địa chỉ: số B đường T, phường H, quận C. Giá dự thầu là 7.566.650.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

- Liên danh, giá dự thầu là 8.060.740.200 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Ngay sau khi có kết quả mở thầu, Q tìm hiểu rồi nhắn tin qua Zalo báo cáo cho Sinh biết tình hình những doanh nghiệp nào đã tham gia dự thầu và giá dự thầu như thế nào. Ngày 28/4/2021, Lê Hoài N4 chết nên từ tháng 5/2021, Q được phân công phụ trách quản lý Phòng QLĐT.

Qua đánh giá E-HSDT của Công ty C1, Tổ chuyên gia xét thấy cần làm rõ một số nội dung về kỹ thuật, tài chính, nhân sự, thiết bị, nên trao đổi với Phan Văn T4 để yêu cầu nhà thầu bổ sung làm rõ. Trên cơ sở đó, T4 đã tham mưu cho Trần Phước M ký ban hành Công văn số 233/PQLĐT ngày 06/5/2021, yêu cầu đến ngày 11/5/2021, Công ty C1 phải làm rõ E-HSDT. Quá thời hạn nhưng Công ty C1 không bổ sung làm rõ E-HSDT, Tổ chuyên gia đánh giá nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu về năng lực thi công, đánh giá không đạt. Đối với Công ty T13 qua đánh giá thì hồ sơ dự thầu không đáp ứng các tiêu chí dự thầu, nên không đủ điều kiện. Từ lúc này, cơ bản đã xác định được nhà thầu Liên danh sẽ có khả năng, điều kiện trúng thầu.

Lúc này, theo chủ trương của K, để có nguồn kinh phí cho các hoạt động riêng của UBND quận, S đã chỉ đạo M sau khi chấm thầu, thương thảo hợp đồng xong thì gọi doanh nghiệp lên làm việc trực tiếp với K và S, để thỏa thuận cụ thể việc doanh nghiệp sẽ phải trích lại bao nhiêu phần trăm số tiền trúng thầu cho UBND quận trước khi ký ban hành Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định. Vì thời gian này, M vẫn đang phụ trách giải quyết các vấn đề của gói thầu thoát nước. Đồng thời, Q cũng báo cáo tình hình các doanh nghiệp dự thầu như thế nào cho S biết. Ngoài ra, K cũng gọi Q đến gặp và giao cho Q nhiệm vụ nhận tiền doanh nghiệp trích lại sau khi trúng thầu.

Ngày 17/5/2021, M nhắn tin qua Z nói D chuẩn bị theo sắp xếp của Mỹ để đến gặp K và S trao đổi phần trăm trích lại theo chỉ đạo của S. D hiểu rằng, để UBND quận ký ban hành Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và quá trình thi công, nghiệm thu, thanh toán sau này được thuận lợi thì phải đến gặp K và S trao đổi, thống nhất trước việc trích lại phần trăm.

Sáng ngày 21/5/2021, M nhắn tin qua Z nói cho Q biết việc S chỉ đạo nêu trên. Chiều cùng ngày, sau khi kiểm tra lịch làm việc của S, M hướng dẫn D đến gặp S tại phòng làm việc của S. Trên cơ sở giá dự thầu của Công ty C1, S yêu cầu D nếu trúng thầu thì phải trích lại ít nhất 38% giá trị trúng thầu. D không đồng ý vì quá cao, làm sẽ bị lỗ nên đi về. Sau đó, D về và nói lại cho Q, Mỹ biết. Q nói sẽ trao đổi lại với S, giảm phần trăm trích lại xuống và sẽ xin ý kiến K. Chiều cùng ngày, Q nhắn tin cho S nói S để thời gian cho D suy nghĩ, sau đó Q sẽ làm việc với D và đưa ra tỷ lệ hợp lý. M cũng nói D đến gặp K để xin ý kiến vì K mới là người quyết định. M sẽ kiểm tra lịch làm việc của K và thông báo cho D biết để D sắp xếp đến gặp.

Ngày 22/5/2021 và sáng ngày 24/5/2021, M nhiều lần hỏi thúc D đến gặp K xin ý kiến, dặn D phải phân tích cho K hiểu và nghe theo. Theo hướng dẫn của M, D đến chờ gặp K ở cơ quan nhưng không gặp được. Đến trưa cùng ngày, D đi một mình, tìm đến nhà K tại địa chỉ số D đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng với mong muốn xin Khoa giảm bớt tỷ lệ phần trăm trích lại. D ngồi đợi ở quán cà phê bên cạnh nhà K đến khoảng hơn 13 giờ 30 phút cùng ngày thấy K đi ra khỏi nhà. Khi K chuẩn bị lên xe ô tô cá nhân, D chạy đến và nói với K về việc Sinh đòi tỷ lệ phần trăm trích lại cao quá, xin K giảm bớt lại. K nói D đến làm việc với Q để thống nhất. Chiều cùng ngày, vì có chỉ đạo của K nên Q và D tiếp tục trao đổi về số tiền trích lại. Sau cùng, cả hai thống nhất là D sẽ trích lại 33% giá trị trúng thầu trước thuế VAT (tương đương khoảng 2.400.000.000 đồng). D thông báo cho M biết là đã gặp K, Q thống nhất. Chiều tối cùng ngày, Q nhắn tin qua Zalo báo cáo cho S biết diễn biến và kết quả làm việc với D. Sinh vẫn không đồng ý với tỷ lệ này, chỉ đạo Q phải báo cáo cụ thể lại cho K biết, quyết định. Cùng ngày, Tổ chuyên gia lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu số 03/BCĐG-TCG/ĐV, đề xuất mời Liên danh tiến hành thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu.

Ngày hôm sau, S đến gặp trực tiếp K tại phòng làm việc của K và báo cáo việc D hứa sẽ trích lại tỷ lệ phần trăm, cụ thể thì Q sẽ báo cáo. Cùng ngày, Q cũng đến gặp trực tiếp K tại phòng làm việc của K và báo cáo việc thỏa thuận với D

trích lại 33%, **K** nói: “Ta biết rồi, hôm qua nó chạy vô nhà ta rồi!” và giao cho **Q** nhiệm vụ nhận tiền.

Ngày 27/5/2021, theo trình tự, thủ tục, **Phan Văn T4** soạn thảo và trình **Võ Thành Q** ký Tờ trình số 305/TTr-PQLĐT về việc thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc **UBND quận C** để thẩm định. Ngày 08/6/2021, **Võ Thiên S** ký ban hành Quyết định số 1721/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà thầu Liên danh trúng thầu.

Ngày 11/6/2021, Liên danh và Phòng QLĐT ký Hợp đồng thi công số 02/2021/HĐKT (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 02/2021), cụ thể như sau: Nạo vét tổng cộng 4.713,60 m³ bùn, tổng giá trị thanh toán là 8.060.704.200 đồng. Thời gian thi công: Từ ngày 11/6/2021 đến ngày 31/12/2021.

Cuối năm 2021, **D** giao cho **Trần Mỹ Hoàng U** (sinh năm: 1995; trú **K đường T, phường H, quận C**) là Kế toán **Công ty T12** lập hồ sơ nghiệm thu, thanh, quyết toán tiền thi công. Lập xong, **U** đưa hồ sơ cho **Nguyễn Phan Hoài V1** mang đi ký hoàn thiện và nộp cho **Phan Văn T4**. Sau các đợt thanh toán, **D** đã trích lại 2.400.000.000 đồng, trong đó:

- **D** đưa cho **Q** 2.150.000.000 đồng. Cụ thể:

- + Dịp Lễ 2 tháng 9: Khoa chỉ đạo **Q** liên hệ doanh nghiệp lấy tiền để chi tiêu cho các hoạt động của UBND quận. **Q** liên hệ với **D** nhận về 1.200.000.000 đồng. **K** đã dùng số tiền này chi thưởng cán bộ, nhân viên; thăm, tặng quà các đơn vị, cá nhân khác; chia một phần cho **S** và giữ lại một phần.

- + Ngày 20/9/2021: theo chỉ đạo của **S**, **Q** liên hệ với **D** nhận về 100.000.000 đồng rồi đưa cho **Lê Thị G** – Kế toán Văn phòng **UBND quận C** để **K**, Sinh chi tiếp khách.

- + Ngày 24/12/2021: theo chỉ đạo của **K**, **Q** liên hệ với **D** nhận về 100.000.000 đồng để chi tiếp khách.

- + Ngày 15/01/2022: **Q** liên hệ với **D** nhận về 750.000.000 đồng rồi đưa cho **K**. Sau khi tính toán, **K** đưa lại cho **Q** số tiền này làm tiền thưởng Tết cho Phòng QLĐT. **Q** giữ lại 50.000.000 đồng, còn lại đưa cho **Nguyễn Thị Diễm P** – Kế toán Phòng QLĐT để chi thưởng Tết cho cán bộ, nhân viên. Trong đó, **Q** tiếp tục nhận 200.000.000 đồng, **M** nhận 100.000.000 đồng, **P** nhận 50.000.000 đồng, các cán bộ, nhân viên khác (có **Phan Văn T4**) mỗi người khoảng 30.000.000 đồng. Các cán bộ, nhân viên đều không biết về nguồn gốc số tiền là do **D** đưa cho **Q**.

- Quá trình thi công, vài lần **D** mời cán bộ, nhân viên Phòng QLĐT liên hoan và đã chi ra tổng cộng 50.000.000 đồng; đầu năm 2022, **D** đi cùng **Q** đến nhà **Lê Hoài N4** thăm hỏi; **D** bỏ vào bì thư 200.000.000 đồng thấp hương cho **N4**.

1.2. Đối với gói thầu “Duy tu, nạo vét bùn các tuyến mương, cống thoát nước đường dưới 10,5m (đường có tên) trên địa bàn quận C năm 2022”.

Ngày 29/12/2021, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 4371/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện dịch vụ thoát nước theo phân cấp trên địa bàn các quận, huyện năm 2022. Theo đó, **UBND quận C** được phê

duyet làm chủ đầu tư gói thầu “Duy tu, nạo vét bùn các tuyến mương, cống thoát nước đường dưới 10,5m (đường có tên) trên địa bàn **quận C** năm 2022” với giá gói thầu là 7.946.210.000 đồng và việc tổ chức đấu thầu cũng như năm 2021.

Tương tự năm 2021, Phòng QLĐT tham mưu Chủ tịch UBND quận thuê **Công ty Q1** tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu.

Ngày 13/5/2022, Phòng QLĐT phát hành thông báo mời thầu gói thầu thoát nước lên mạng đấu thầu quốc gia. Ngày 23/5/2022, hết thời gian nộp hồ sơ dự thầu, hệ thống mạng tiến hành mở thầu và cho kết quả có 02 (hai) doanh nghiệp dự thầu gồm: **Công ty C1**, giá dự thầu là 7.930.735.828 đồng và Liên danh, giá dự thầu là 7.841.984.365 đồng.

Ngày 03/6/2022, Tổ chuyên gia lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu số 08/BCĐG, đề xuất mời Liên danh tiến hành thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu.

Sau khi thương thảo hợp đồng, ngày 08/6/2022, **UBND quận C** ban hành Quyết định số 1962/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà thầu Liên danh trúng thầu với giá là 7.841.984.365 đồng. Ngày 17/6/2022, Phòng QLĐT và Liên danh ký Hợp đồng thi công số: 02/2022/HĐKT về việc thực hiện gói thầu thoát nước năm 2022.

Trong gói thầu này, trên cơ sở thỏa thuận đã có, dịp Lễ 2 tháng 9, **K** yêu cầu **Q** liên hệ với doanh nghiệp để lấy nguồn tiền chi Lễ. **Q** liên hệ với **D** và được **D** đưa số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, **Q** đưa số tiền này cho **K** sử dụng vào việc thăm, tặng quà các đơn vị, cá nhân khác.

Tổng số tiền các bị cáo đã nhận từ **Nguyễn Đăng Nhất D** năm 2021 và năm 2022 là 3.150.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về hành vi Tham ô tài sản:

Để hỗ trợ việc giám sát thi công gói thầu thoát nước, **Phan Văn T4** tham mưu cho **Trần Phước M** ký Báo cáo số 126/BC-QLĐT ngày 17/3/2021 gửi **UBND quận C** về việc đề xuất chủ trương thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, đơn vị tư vấn giám sát và bổ sung các chi phí khác để thực hiện gói thầu thoát nước năm 2021.

Ngày 22/3/2021, **Võ Thiên S** ký ban hành Quyết định số 862/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán chi phí tư vấn và chi phí khác đối với gói thầu thoát nước nêu trên. Trong đó, chi phí giám sát thi công là 195.808.000 đồng. Nguồn tiền chi từ Ngân sách **UBND quận C**, Phòng QLĐT được giao quản lý, sử dụng số tiền này trong tài khoản số 9527.2.1041379, mở tại Kho bạc Nhà nước **quận C**.

Ngày 25/3/2021, **Võ Thiên S** ký ban hành Công văn số 445/UBND-QLĐT về việc thuê đơn vị tư vấn lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu, đơn vị tư vấn giám sát và bổ sung các chi phí khác.

Tháng 6/2021, **Phan Văn T4** hỏi **Q** về việc thuê đơn vị nào làm tư vấn giám sát gói thầu thoát nước. Lúc này, **Q** nghĩ đến chủ trương của **K** là tìm nguồn chi cho các hoạt động riêng của UBND quận, nên dự tính sẽ mượn con dấu và tư cách

pháp nhân của một công ty quen biết làm thanh toán tiền, còn việc giám sát giao cho cán bộ, nhân viên Phòng QLĐT thực hiện, trong đó **Phan Văn T4** được giao quản lý, giám sát chung. **Q** nhận thấy **Công ty Cổ phần A** (sau đây gọi tắt là **Công ty A**) – MSDN: 0401813228; địa chỉ: **số A đường H, phường H, quận H**; Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật là: **Lê Thị U1** có mối quan hệ với Phòng QLĐT, nên chỉ đạo **Phan Văn T4** sử dụng **Công ty A** làm đơn vị tư vấn giám sát. **Phan Văn T4** soạn thảo Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Tư vấn giám sát Dịch vụ chăm sóc, duy trì thường xuyên cây xanh trên địa bàn **quận C** năm 2021 và Dịch vụ duy tu, nạo vét bùn các tuyến mương, cống thoát nước đường dưới 10,5m (đường có tên) trên địa bàn **quận C** năm 2021 và đưa tên **Công ty A** vào trong Quyết định. Đến ngày 08/6/2021, khi có Quyết định số 1721 về việc công nhận nhà thầu Liên danh trúng thầu thì **T4** mới hoàn thiện nội dung bản thảo, trình **Q** ký nháy, rồi trình **S** ký ban hành Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Tư vấn giám sát.

Thực tế, **Công ty A** do **Hoàng Ngọc T8** (là chồng của **U1**) quản lý, điều hành. Suốt quá trình nhà thầu thi công nạo vét theo Hợp đồng số 02/2021, **Công ty A** không tham gia giám sát, còn **Phan Văn T4** chỉ tham gia nghiệm thu theo đề nghị của nhà thầu Liên danh khi từng tuyến đường được thi công nạo vét xong. Đến cuối tháng 12/2021, **Võ Thành Q** nói với **Hoàng Ngọc T8** là Phòng QLĐT mượn con dấu và tư cách pháp nhân của **Công ty A** để thanh toán tiền giám sát thi công gói thầu thoát nước, Công ty giữ lại 30% (ba mươi phần trăm), đưa lại cho Phòng QLĐT 70% (bảy mươi phần trăm). Vì mối quan hệ lâu dài giữa hai bên, **Hoàng Ngọc T8** đồng ý giúp. Do đó, khi **Nguyễn Phan Hoài V1** mang hồ sơ quyết toán thi công đến ký (trong đó có Nhật ký công trình và Hồ sơ nghiệm thu), **Q** chỉ đạo **Phan Văn T4** mang hồ sơ đến cho đơn vị tư vấn giám sát ký trước. **Phan Văn T4** đã hướng dẫn **V1** mang đến cho **Hoàng Ngọc T8** ký giám sát thi công cho đủ thành phần theo quy định. Khi nhận được hồ sơ, **Hoàng Ngọc T8** gọi điện thoại hỏi **Phan Văn T4** về việc nhà thầu Liên danh có thi công thực tế hay không. **Phan Văn T4** nói rằng nhà thầu có thi công thực tế và các bên khác đã ký xác nhận, cứ ký giám sát cho đủ thủ tục thanh toán. **Hoàng Ngọc T8** đã cung cấp thông tin nhân viên giám sát cho **V1** biết để đưa vào hồ sơ quyết toán tiền thi công của nhà thầu Liên danh. **Hoàng Ngọc T8** còn lấy con dấu chữ ký của **Trần Thanh H7**, **Trần Quốc T9** (là nhân viên của **Công ty Q1**) đóng vào mục Giám sát thi công, tự ký chữ ký của **Lê Trần C** trong hồ sơ Nhật ký công trình. Trong hồ sơ Nghiệm thu công trình, tại mục Giám sát, **Hoàng Ngọc T8** cũng tự ký chữ ký của **Lê Trần C**, rồi đưa lại cho **V1** mang về nộp cho **Phan Văn T4**. **Phan Văn T4** biết rõ là **Công ty A** không thực hiện giám sát thi công, nhưng biết giữa **Q** và **Hoàng Ngọc T8** đã có thỏa thuận với nhau về việc thanh toán không thì **Công ty A** mới ký giám sát trong hồ sơ nên **Phan Văn T4** ký xác nhận vào mục đại diện chủ đầu tư trong các biên bản nghiệm thu.

Sau đó, **Hoàng Ngọc T8** chỉ đạo **Lê Thị Tuyết H8** (sinh năm: 1989; trú **thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**) là Kế toán **Công ty A** lập hồ sơ để quyết toán tiền giám sát thi công gồm: Hợp đồng tư vấn số 46/HĐ-TVGS ghi ngày 11/6/2021; Quyết định số 18/QĐ-CTY ghi ngày 11/6/2021 về việc lập Tổ Giám

sát gồm: **Trần Thanh H7**, **Trần Quốc T9**, **Lê Trần C**, **Đặng Phước T10**; Phụ lục hợp đồng số 02/PLHD ngày 17/11/2021; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 46/TLHD-TVGS ngày 30/12/2021.

Sau khi lập xong, **H8** trình cho **Hoàng Ngọc T8**, **T8** tự ký chữ ký mang tên **Lê Thị U1** và đóng dấu Công ty ALDES trên các tài liệu quyết toán rồi đưa lại cho **H8**, nói **H8** mang đến nộp cho **P** để quyết toán tiền.

Để quyết toán tiền, Phúc kiểm tra hồ sơ quyết toán của nhà thầu Liên danh do **Phan Văn T4** cung cấp. **Phan Văn T4** biết rõ việc ký giám sát không nhưng không nói cho **P** biết, **P** nhìn thấy tài liệu thể hiện **Công ty A** có giám sát thi công, có **Phan Văn T4** ký xác nhận đại diện chủ đầu tư, không biết việc **Công ty A** ký không việc giám sát nên lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, làm thủ tục chi tiền và trình cho **Q** ký toàn bộ hồ sơ quyết toán tiền cho **Công ty A**. Ngày 05/01/2022, **P** thực hiện thủ tục chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của **Công ty A**.

Sau khi nhận được tiền, **Hoàng Ngọc T8** rút tiền ra, giữ lại 30%, mang đến đưa lại cho **Q** 70% (tương đương khoảng 137.000.000 đồng). Số tiền này, **Q** sử dụng vào các hoạt động riêng của UBND quận và Phòng QLĐT.

Về tang, tài vật thu giữ:

- **Thu giữ của Hồ Văn K:** 01 (một) điện thoại di động, hiệu: Apple, kiểu máy: iPhone 13 Pro, màu đen, số máy: MLVE3VN/A, số sê-ri: DC02N79KCR, số IMEI: 352544474285310. Bị cáo nộp 700.000.000 đồng để khắc phục hậu quả hành vi “Nhận hối lộ”.

- **Thu giữ của Võ Thiên S:** 01 (một) USB màu đen, hiệu Kingston, dung lượng 32 GB; 01 (một) USB màu đen, hiệu **K3**, dung lượng 16 GB, + 01 (một) bộ bút trình chiếu màu đen, hiệu Vesine; 01 (một) bút trình chiếu màu đen, không nhãn hiệu; 01 (một) tập photo tài liệu các văn bản của **UBND quận C**; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 264034 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** cấp ngày 30 tháng 9 năm 2022; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 684261 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** cấp ngày 06 tháng 4 năm 2018; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 454775 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** cấp ngày 12 tháng 01 năm 2018; 01 (một) điện thoại di động, hiệu: Apple, kiểu máy: iPhone 7, màu đen, số máy: MN962VN/A, số sê-ri: F71SLKGKHG7P, số IMEI: 353803084970029; 01 (một) điện thoại di động hiệu: Apple, kiểu máy: iPhone 12 Pro Max, màu: trắng, số máy: MGD83VN/A, số seri: F2LF84EZ0D50, **số I:** 351406668835758. Bị cáo nộp 400.000.000 đồng để khắc phục hậu quả hành vi “Nhận hối lộ”.

- **Thu giữ của Võ Thành Q:** 01 (một) thùng CPU (**C2**) máy tính, màu đen, không nhãn hiệu (đã niêm phong); 01 (một) điện thoại di động hiệu: Apple, kiểu máy: iPhone SE, màu: Đen, số máy: MX9R2VN/A, số sê-ri: FFM CNJ0VPLJQ, số IMEI: 356496103931705; 01 (một) điện thoại di động hiệu: Apple, kiểu máy: iPhone SE, màu trắng - đen, số máy: MMXK3VN/A, số sê-ri: DMK939QVKX, số IMEI: 354267891728567; 01 (một) máy tính bảng Surface Pro 7, màu trắng,

kèm bàn phím màu đen; 02 (hai) USB màu đen, hiệu **K3**, dung lượng 16 GB. Bị cáo nộp 426.700.000 đồng để khắc phục hậu quả hành vi “Nhận hối lộ”. Một tập tài liệu các văn bản của **UBND quận C**.

- **Thu giữ của Trần Phước M:** 01 (một) tập tài liệu các văn bản của **UBND quận C**. Bị cáo nộp 350.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

- **Thu giữ của Nguyễn Đăng Nhất D:** 01 (một) thùng CPU (**C2**) máy tính, màu đen, nhãn hiệu: SAMA (đã niêm phong); 01 (một) điện thoại di động hiệu: Apple, kiểu máy: iPhone X, màu đen, số máy: MQAC2VN/A, số seri: DNPX2BQLJCLH, **số I:** 354874092474519.

- **Thu giữ của Phan Văn T4:** bị cáo nộp 180.000.000 đồng, gồm: 30.000.000 đồng là tiền thưởng Tết năm 2022 và 150.000.000 đồng là tiền khắc phục hậu quả hành vi “Tham ô tài sản”.

- **Thu giữ của Hoàng Ngọc T8:** 01 (một) con dấu chữ ký ghi tên **Trần Thanh H7**, màu đỏ (đã niêm phong); 01 (một) con dấu chữ ký ghi tên **T9**, màu xanh nước biển (đã niêm phong). Bị cáo nộp 60.000.000 đồng để khắc phục hậu quả hành vi “Tham ô tài sản”.

- **Thu giữ của Nguyễn Thị Diễm P:** 01 (một) thùng CPU (**C2**) máy tính, màu đen, nhãn hiệu: **F** (đã niêm phong). **P** nộp 50.000.000 đồng là tiền thưởng Tết năm 2022.

- Thu giữ của cán bộ, nhân viên khác Phòng QLĐT: 270.000.000 đồng là tiền thưởng Tết năm 2022.

(Toàn bộ số tiền thu giữ nêu trên đã nộp vào tài khoản tạm giữ của **Sở T** mở tại Kho bạc Nhà nước theo các Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12/12/2022, ngày 16 và 24/02/2023, ngày 21 và 27/9/2023, ngày 26/10/2023, ngày 11/01/2024).

Về kết quả trưng cầu giám định: ngày 19/8/2023, Cơ quan CSĐT **Công an thành phố Đ** đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 21/QĐ-CSĐT-KT(Đ4), trưng cầu **Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng** giám định vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu. Tại Kết luận giám định ngày 31/8/2022, **Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đ** kết luận:

- Đối với Hồ sơ mời thầu gói thầu thoát nước năm 2021:

+ Việc đơn vị tư vấn là **Công ty Q1** ban hành văn bản thành lập **Tổ chuyên gia** là chưa phù hợp về thẩm quyền theo quy định tại Điều 75 Luật **Đấu thầu**.

+ Hồ sơ mời thầu đã đưa ra 02 tiêu chí có thể làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu: “Nhà thầu có văn phòng công ty trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hoặc văn phòng điều hành (Trường hợp thuê thì phải có Hợp đồng thuê làm văn phòng công ty, văn phòng điều hành)” và “Có ký kết hợp đồng với đơn vị được quyền khai thác và sử dụng điểm đỗ thải theo quy định của **UBND thành phố Đ** nếu nhà thầu trúng thầu”, vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 12, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu: “2. ... Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng”.

+ Không có Biên bản đối chiếu tài liệu theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của **Bộ K4** và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

+ Không có văn bản, cơ sở pháp lý về việc bên mời thầu thực hiện làm rõ đối với một số thiếu sót của nhà thầu Liên danh theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Đối với Hồ sơ mời thầu gói thầu thoát nước năm 2022:

+ Việc đơn vị tư vấn là **Công ty Q1** ban hành văn bản thành lập Tổ chuyên gia là chưa phù hợp về thẩm quyền theo quy định tại Điều 75 Luật Đấu thầu.

+ Hồ sơ mời thầu đã đưa ra 02 tiêu chí có thể làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu: “Nhà thầu có văn phòng công ty trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hoặc văn phòng điều hành (Trường hợp thuê thì phải có Hợp đồng thuê làm văn phòng công ty, văn phòng điều hành)” và “Doanh thu bình quân hằng năm tối thiểu là 11.919.315.000 VNĐ”, vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 12, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

+ Không có Biên bản đối chiếu tài liệu theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT.

Ngày 19/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 354/QĐ-CSKT-Đ3, trưng cầu **Sở Tài chính thành phố Đ** giám định thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đấu thầu gây ra. Tại Công văn số 105/STC-QLNS ngày 20/12/2023, **Sở T** kết luận số tiền được quyết toán trong 02 (hai) gói thầu thoát nước nêu trên là đúng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, không vượt quá tổng mức dự toán ngân sách đã bố trí đầu năm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo **Hồ Văn K**, **Võ Thiên S**, **Võ Thành Q**, **Trần Phước M** phạm tội “*Nhận hối lộ*”; bị cáo **Nguyễn Đặng Nhất D** phạm tội “*Đưa hối lộ*”; các bị cáo **Võ Thành Q**, **Hoàng Ngọc Tiến P1**, **Văn T4** phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Hồ Văn K1** (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2023.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Võ Thiên S** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2022.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Võ Thành Q** 07 (bảy) năm tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Võ Thành Q** 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Võ Thành Q** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2022.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Trần Phước M2** (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2023.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Căn cứ vào khoản 4 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Đăng Nhất D** 08 (năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2022.

6. Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Phan Văn T11** (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo **Hoàng Ngọc T8**, về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 09/8/2024 bị cáo **Hồ Văn K** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/8/2024 bị cáo **Võ Thiên S** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/8/2024 bị cáo **Võ Thành Q** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/8/2024 bị cáo **Trần Phước M** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/8/2024 bị cáo **Nguyễn Đặng Nhất D** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trả lại sim điện thoại.

Ngày 15/8/2024 bị cáo **Phan Văn T4** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt miễn hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Các Luật sư bào chữa các bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Khoa, **S**, **Q**, **Mỹ** giảm hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **D** xin giảm nhẹ hình phạt và trả lại sim điện thoại, bị cáo **T4** xin miễn hình phạt và sửa Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

[1.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo (trừ bị cáo **Hồ Văn K**) đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo **Võ Thiên S**, **Võ Thành Q**, **Trần Phước M** đều xác định trong mọi hoạt động của UBND quận nói chung và tổ chức thực hiện các gói thầu năm 2021, 2022 đều phải báo cáo cho bị cáo **K**, bị cáo **K** với vai trò Chủ tịch là người quyết định cuối cùng trong việc cho chủ trương kiếm tiền doanh nghiệp trích lại từ các gói thầu để làm kinh phí cho hoạt động chi lễ tết, đối nội, đối ngoại. Từ chủ trương này, bị cáo **M** tìm cách hỗ trợ **D** trong quá trình thực hiện dự thầu, thường xuyên đôn đốc **D** lên gặp **S** và **K** để trình bày năng lực, mức % trích lại; các bị cáo **S**, **Q** gặp, trao đổi làm việc với **D** để thỏa thuận % trước khi phê duyệt kết quả đấu thầu, sau đó báo cáo lại kết quả cho **K** biết. Sau khi nhận

tiền từ bị cáo D, bị cáo Q mang về đều đưa cho K, K mời S có cả Q để thống nhất các khoản chi, chia tiền cho K, S, Q và CBCC phòng QLĐT.

[1.2] Bị cáo D khai có gặp trực tiếp bị cáo K tại trước nhà K để trình bày về việc bị cáo S đòi % quá cao (Sinh đòi 38%) thì K nói D đến làm việc với Q nên Q và D đã thoả thuận 33%. Lời khai của D là phù hợp với lời khai của các bị cáo M, Q (Mỹ nói D đến gặp K nhờ giảm %; Q khai có báo cáo lại việc D đồng ý trích 33% thì K nói: “*Ta biết rồi, hôm qua nó chạy vô nhà ta xong*”).

[1.3] Tại phiên toà, bị cáo Hồ Văn K và người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo không chỉ đạo các bị cáo S, Q tiếp xúc với doanh nghiệp (cụ thể là bị cáo D) để thoả thuận % để được trúng thầu mà do các bị cáo S, Quý tự thực hiện; bị cáo không có chủ trương và không gặp D, không nói D và Q gặp nhau trao đổi %. Cuối năm Q mang tiền lên nói tiền doanh nghiệp để lại hoa hồng sau thi công và thanh toán. Tuy nhiên, trong phần tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận sai phạm với tư cách người đứng đầu, đã tiếp nhận ý chí của cấp dưới về việc yêu cầu doanh nghiệp trích phần trăm mà không có biện pháp ngăn chặn, có nhận tiền do doanh nghiệp trúng thầu trích lại thông qua Q 03 lần vào dịp lễ 02/9/2021, Tết âm lịch năm 2021 và 02/9/2022. Những lời khai này phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, cụ thể: “*Trong gói thầu thoát nước năm 2021 do UBND quận làm chủ đầu tư, bị cáo K biết rõ có việc thoả thuận với doanh nghiệp về việc trích lại phần trăm như thông lệ từ trước khi K chưa làm Chủ tịch, tuy nhiên không biết cụ thể vì Q và S không báo cáo. Họ tự làm và xong việc mới mới báo cáo. Khoảng tháng 7, 8/2021 cả Q và S có báo cáo cho K về việc doanh nghiệp trúng thầu (2021) trích lại % nhưng không nói rõ bao nhiêu. Đến cuối năm họ mới báo cáo cụ thể số tiền trích lại. Việc Q thoả thuận với doanh nghiệp K5 không có ý kiến và việc đó đã giao cho S phụ trách nên không có ý kiến*” (BL59-60, 62).

[1.4] Sau khi nhận tiền từ doanh nghiệp, Q nhiều lần đưa tiền cho K. Bị cáo Q tổng hợp, in bảng kê thu chi cụ thể từng khoản, gửi cho K, S để báo cáo; cả ba bị cáo tính toán và thống nhất từng khoản chi. K sử dụng một phần cho cá nhân, bị cáo S hưởng lợi một phần, một phần hỗ trợ lễ, Tết cho cán bộ công chức phòng Quản lý đô thị, còn lại chỉ đạo Q giao cho Văn phòng UBND để lo đối nội, đối ngoại (thể hiện tại các BL 56,57, 64-66). Như vậy, bị cáo K biết có nguồn tiền do doanh nghiệp của D trích lại, đã bàn bạc chia, sử dụng vào các mục đích khác nhau, tất cả đều không đúng quy định của pháp luật.

[1.5] Bị cáo Hồ Văn K với chức vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, biết và mặc nhiên để cán bộ cấp dưới tiếp xúc trái phép với doanh nghiệp dự thầu để yêu cầu nhà thầu trích lại tiền; bị cáo tiếp nhận ý chí từ các bị cáo S và Q, nhận tiền và quyết định chi số tiền này. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chính bị cáo, của các bị cáo khác và các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận bị cáo K là đồng phạm với các bị cáo S, Q, Mỹ trong việc nhận hối lộ.

[1.6] Hồ Văn K, Võ Thiên S, Võ Thành Q, Trần Phước M là những người có chức vụ, quyền hạn tại Ủy ban nhân dân C, thành phố Đà Nẵng. Trong hai năm

2021 và 2022 (trừ [Trần Phước M](#)), các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, chủ động liên lạc, tiếp xúc trái phép với [Nguyễn Đăng Nhất D](#) - Phó Giám đốc Công ty TNHH T12, yêu cầu [D](#) phải trích lại tiền cho Ủy ban nhân dân quận T tỷ lệ 33% khi doanh nghiệp trúng gói thầu thoát nước trên địa bàn quận C. Sau khi thỏa thuận [K, S, Q](#), Mỹ đã lập hồ sơ để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Liên danh trúng thầu theo trình tự, thủ tục quy định. Sau đó, các bị cáo [K, S, Q](#) đã nhận hồi lộ của [Nguyễn Đăng Nhất D](#) tổng số tiền 3.150.000.000 đồng (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng); bị cáo [M](#) đồng phạm với các bị cáo trong việc nhận hồi lộ số tiền năm 2021 là 2.150.000.000 đồng.

[1.7] Đối với gói thầu thuê giám sát dịch vụ duy tu, nạo vét bùn các tuyến mương, cống thoát nước trên địa bàn quận C năm 2021, bị cáo [Võ Thành Q](#) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn câu kết với bị cáo [Hoàng Ngọc T8](#), lấy pháp nhân là Công ty cổ phần A, lập khống hồ sơ thi công và thanh quyết toán, chiếm đoạt 195.808.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền ngân sách nhà nước, sau khi chiếm đoạt chia nhau theo tỷ lệ 70:30. Quá trình thực hiện có sự giúp sức của bị cáo [Phan Văn T4](#).

[1.8] Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo [Hồ Văn K](#), [Võ Thiên S](#), [Võ Thành Q](#), [Trần Phước M](#) đã phạm vào tội “Nhận hồi lộ” theo điểm a khoản 4 Điều 354 Bộ luật Hình sự; bị cáo [Nguyễn Đăng Nhất D](#) phạm tội “Đưa hồi lộ” theo khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự; bị cáo [Võ Thành Q](#), [Hoàng Ngọc T8](#), [Phan Văn T4](#) phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo [K, S, Q](#), Mỹ, [D, T4](#); Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Các bị cáo phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ mà tiếp nhận ý chí trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn của mình nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[2.2] Bị cáo [Hồ Văn K](#) là người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị, vì vụ lợi đã đề cán bộ cấp dưới thỏa thuận trích % các gói thầu và nhận tiền, rồi đưa về cho bị cáo quyết định, sử dụng vào các mục đích không chính đáng; bản thân bị cáo cũng được hưởng lợi từ số tiền này. Nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo cho rằng chỉ phạm tội ở mức độ thiếu trách nhiệm là không phù hợp.

[2.3] Bị cáo [Võ Thiên S](#) là người thực hành, tích cực ngang bị cáo [K](#). Với chức vụ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thực hiện theo ý kiến của [Hồ Văn K](#), chỉ đạo cán bộ cấp dưới liên lạc, tiếp xúc trái phép với doanh nghiệp dự thầu, bản thân trực tiếp gặp gỡ, thỏa thuận với bị cáo [D](#) về số tiền phải trích lại, hưởng lợi từ số tiền này và sử dụng chi tiêu cá nhân.

[2.4] Bị cáo [Võ Thành Q](#) là người thực hành. Với chức vụ là Phó Trưởng phòng Phụ trách và kế thừa của trưởng phòng cũ thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của [Hồ Văn K](#), [Võ Thiên S](#), trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với bị cáo [D](#) về số tiền phải trích lại.

[2.5] Bị cáo **Trần Phước M** phạm tội với vai trò giúp sức. Với chức vụ là Phó Trưởng phòng, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của **Võ Thiên S**, liên lạc, tiếp xúc trái phép với doanh nghiệp dự thầu, hướng dẫn, sắp xếp cho bị cáo **D** đến gặp các bị cáo **K, S** để thỏa thuận về số tiền phải trích lại. Bản thân chỉ tham gia trong gói thầu 2021 và được hưởng lợi 100 triệu đồng, ngoài ra còn được bị cáo **D** đưa riêng 250 triệu đồng.

[2.6] Về hành vi đưa hối lộ của **Nguyễn Đăng Nhất D**: trong thời điểm Tổ chuyên gia đang đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT) của các nhà thầu tham dự gói thầu thoát nước năm 2021, mặc dù chỉ còn nhà thầu Liên danh đủ điều kiện xét trúng thầu, trước khi kết quả lựa chọn nhà thầu được công bố theo quy định, **Nguyễn Đăng Nhất D** đã tiếp xúc trái phép với chủ đầu tư, bên mời thầu, thỏa thuận việc sẽ trích lại tiền cho các bị cáo **K, S, Q**, Mỹ là cán bộ, công chức của **UBND quận C** sau khi trúng thầu với mục đích đảm bảo việc trúng thầu, đồng thời, quá trình thi công, nghiệm thu và quyết toán được thuận lợi, vì lợi ích của **Công ty T12**. Sau đó, **D** đã đưa cho các bị cáo **K, S, Q** tổng số tiền 2.150.000.000 đồng. Tiếp đó, trên cơ sở thỏa thuận đã có, đối với gói thầu thoát nước năm 2022, **D** tiếp tục đưa cho các bị cáo **K, S, Q** 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Tổng số tiền bị cáo **D** đã đưa là 3.150.000.000 đồng.

[2.7] Bị cáo **Võ Thành Q** với chức vụ là Phó Trưởng phòng (sau đó là Trưởng phòng), được giao quản lý nguồn tiền do **UBND quận C** phân bổ về việc thuê đơn vị tư vấn giám sát thi công, bị cáo đã trao đổi với **Hoàng Ngọc T8** về việc mượn con dấu và tư cách pháp nhân của **Công ty A** để ký không vào Nhật ký công trình và Hồ sơ nghiệm thu, quyết toán tiền, lấy về từ **Hoàng Ngọc T8** 137.000.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu đồng) sử dụng vào các mục đích không chính đáng.

[2.8] Bị cáo **Phan Văn T4** phạm tội với vai trò giúp sức. Mặc dù không hưởng lợi nhưng bị cáo là người trực tiếp tham mưu lập hồ sơ, thủ tục pháp lý để thuê đơn vị tư vấn giám sát. Bị cáo biết rõ **Công ty A** không thực hiện giám sát mà chỉ là pháp nhân để thanh toán tiền, khi nhận được hồ sơ quyết toán thi công nạo vét đã hướng dẫn cho nhà thầu đến gặp **Hoàng Ngọc T8** ký không vào Nhật ký công trình và Hồ sơ nghiệm thu để thể hiện **Công ty A** có tham gia giám sát, sau đó ký xác nhận chủ đầu tư, không ngăn chặn việc quyết toán không. Từ đó giúp **Võ Thành Q, Hoàng Ngọc T8** chiếm đoạt được số tiền giám sát thi công.

[2.9] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính; gây dư luận xấu, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo thỏa đáng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo **K, S, Q** và **D** phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[2.11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi của mình; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án (trừ bị cáo K); các bị cáo K, S, Q, Mỹ, Văn T4 tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính mà có. Bị cáo K trong quá trình công tác đạt nhiều thành tích xuất sắc, được Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Bộ trưởng Bộ C3... tặng nhiều Giấy khen, Bằng khen, Kỷ niệm chương..., có ông nội là ông Hồ N5 là người có công cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng III. Bị cáo Võ Thiên S có thành tích xuất sắc trong công tác, được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen và nhiều giấy khen của Chủ tịch UBND quận C. Bị cáo Trần Phước M quá trình công tác nhiều năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, có ba ruột là ông Trần Phước N2 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, hiện đang bị bệnh gan, túi mật. Bị cáo Võ Thành Q có thành tích xuất sắc trong công tác, có sáng kiến được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng chứng nhận là sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố Đà Nẵng, nhiều năm được Chủ tịch UBND quận C tặng Giấy khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở..., có ba là ông Võ Văn H1 được tặng Huân chương chiến công hạng Nhì, Huân chương chiến sĩ vẻ vang, mẹ là bà Nguyễn Thị L được Bộ trưởng Bộ Y tặng Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân, bản thân bị cáo bị bệnh hở van tim, gan nhiễm mỡ. Bị cáo Phan Văn T4 có thành tích xuất sắc trong công tác, nhiều năm được Chủ tịch UBND quận C tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Giấy khen; gia đình bị cáo có công cách mạng, bà nội là bà Phùng Thị K2 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, gia đình bị cáo đang trực tiếp thờ cúng liệt sĩ Phan Văn T5, là ông nội bác của bị cáo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo Hoàng Ngọc T8, Nguyễn Đăng Nhất D có nhiều đóng góp cho công tác an sinh xã hội trên địa bàn quận C. Sau khi xét sơ thẩm các bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo K từ năm 2010 – 2019 nhiều năm là chiến sỹ thi đua, gia đình có công cách mạng, UBND Quận C xin giảm nhẹ, UBND xã ở Đ xin giảm nhẹ, vợ là công chức được tặng nhiều Giấy khen, mẹ giúp đỡ địa phương công tác từ thiện hiện nay bị tai biến cần có người chăm sóc; tại tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải, thiết tha xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo S trong thời gian chống dịch bị cáo có rất nhiều thành tích, làm công tác từ thiện và có nhiều thành tích trong công tác khuyến học. Bị cáo Q có ông nội là Liệt sỹ, tích tham gia công tác xã hội và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo M đã khắc phục toàn bộ hậu quả, cha có công cách mạng hiện nay bị bệnh nặng cần có người chăm sóc. Việc sử dụng tiền hối lộ và tham ô có được các bị cáo chỉ sử dụng cho cá nhân số ít, còn lại phần nhiều là đưa sử dụng chung cho đơn vị. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.12] Bị cáo Nguyễn Đăng Nhất D kháng cáo xin trả lại sim điện thoại là không phù hợp quy định pháp luật nên không chấp nhận.

[2.13] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; đặc biệt áp dụng Nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán

Toà án nhân dân tối cao để xem xét khoan hồng cho các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **K, S, Q**, Mỹ; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **D, T8** xin giảm hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo mà trở thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội; do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo **K, S, Q**, Mỹ; còn các bị cáo **D, T8** giữ nguyên là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo **K, S, Q, M** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo **D, T8** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **K, S, Q**, Mỹ; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **D, T8** và sửa Bản án hình sự sơ thẩm.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Hồ Văn K** 07 (bảy) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2023.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Võ Thiên S** 07 (bảy) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2022.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Võ Thành Q** 05 (năm) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Võ Thành Q** 02 (hai) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Võ Thành Q** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2022.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Trần Phước M** 03 (ba) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2023.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Căn cứ vào khoản 4 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Nguyễn Đăng Nhất D** 08 (năm) tù về tội “*Đưa hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2022.

6. Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Phan Văn T4** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2024).

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo.

7. Án phí hình sự phúc thẩm: **Nguyễn Đăng Nhất D, Phan Văn T4** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng. Các bị cáo **Hồ Văn K, Võ Thiên S, Võ Thành Q** và **Trần Phước M** không phải chịu.

8. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Văn Thường

